TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2021/DS-ST
Ngày: 16-4-2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hùng; Ông Bành Quốc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên toà: Ông Mai Hùng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2020/TLST-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Q;
Địa chỉ: 28C-28D phố B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;
Địa chỉ liên lạc: 12B6-12B7 N, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D – Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc chi nhánh Tiền Giang;
Người được ủy quyền lại: Bà Huỳnh Thị Mỹ N – Chuyên viên chính KHCN Chi nhánh Tiền Giang. Theo giấy ủy quyền số 82/2020/UQ-NCB ngày 18/11/2020 (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: 1/ Anh Nguyễn Phi L, sinh năm 1966; (Xin vắng mặt)
2/ Chị Nguyễn Thị Nhật L, sinh năm 1972; (Xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Số 37 P, khu phố M, Phường H, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải phía nguyên đơn trình bày: Anh Nguyễn Phi L và Chị Nguyễn Thị Nhật L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh Tiền Giang vào năm 2019, thông qua hợp đồng vay số 310/2019/HĐCV-9372 ngày 13/12/2019, mục đích vay sửa chữa nhà, số tiền vay là 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất ban đầu theo hợp đồng 12,5%/năm, lãi suất hiện tại là 13,2%/năm và lãi suất quá hạn là 19,8%/năm. Để bảo đảm thì vợ chồng Anh L Chị L có làm hợp đồng thế chấp số 310/2019/HĐTC-9372 ngày 13/12/2019, tại Phòng công chứng Số 1 tỉnh Tiền Giang và ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Gò Công, thế chấp tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có địa chỉ tại số 37 P, khu phố M, Phường H, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Quá trình thực hiện hợp đồng Anh L, Chị L chỉ mới thanh toán số tiền nợ gốc là 23.320.000 đồng và nợ lãi là 40.013.244 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, nhưng Anh L, Chị L vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 16/4/2021, Anh Nguyễn Phi L và Chị Nguyễn Thị Nhật L còn nợ ngân hàng: Nợ gốc là 676.680.000 đồng, tiền lãi phí phạt 89.799.754 đồng. Tổng cộng là 766.479.754 đồng. Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2020 do nhầm lẫn, nên đã ghi nhầm số tiền nợ gốc là 680.010.000 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu Anh Nguyễn Phi L và Chị Nguyễn Thị Nhật L trả cho Ngân hàng một lần tổng số nợ phải trả là: 766.479.754 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 17/4/2021 cho đến khi Anh L, Chị L trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Nếu Anh L, Chị L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 310/2019/HĐTC – 9372, ngày 13/12/2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn Anh Nguyễn Phi L trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của phía nguyên đơn. Anh đồng ý trả số tiền còn nợ ngân hàng gồm: Nợ gốc là 676.680.000 đồng và tiền lãi phí phạt phát sinh. Anh có ý kiến xin thời gian để anh sẽ xoay tiền để trả nợ cho ngân hàng. Nếu hết thời hạn trên vẫn không trả nợ được, Tòa án cứ giải quyết theo quy định pháp luật, anh xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Tại bản tự khai bị đơn Chị Nguyễn Thị Nhật L trình bày: Chị thống nhất ý kiến với lời trình bày của Anh Nguyễn Phi L và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*** Tại phiên tòa**: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình

theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q; Về án phí dân sự sơ thẩm thì bị đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Các đương sự có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thảo thuận.

Căn cứ chứng minh là hợp đồng vay tài sản số 310/2019/HĐCV-9372 ngày 13/12/2019, ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q và Chị Nguyễn Thị Nhật L, Anh Nguyễn Phi L; Khế ước nhận nợ ngày 13/12/2019.

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Q:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc ký kết hợp đồng vay tài sản, giao nhận tiền giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và các điều 90, 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, nên hợp đồng vay tài sản số 310/2019/HĐCV-9372 ngày 13/12/2019 có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng vay tài sản và quá trình thực hiện hợp đồng, Anh L và Chị L chỉ mới thanh toán được số tiền nợ gốc là 23.320.000 đồng và nợ lãi là 40.013.244 đồng. Quá trình giải quyết, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc và lãi như nguyên đơn trình bày, căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định hiện nay bị đơn còn nợ ngân hàng số tiền vốn là 676.680.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký. Việc Anh L và Chị L không thực hiện tiếp việc trả nợ dù đã được Ngân hàng yêu cầu nhiều lần, là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng và quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn cần buộc Anh L và Chị L trả số tiền nợ gốc là 676.680.000 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

[2.2] Về thời gian và phương thức trả nợ: Bị đơn có yêu cầu xem xét kéo dài thời gian trả nợ. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, nên yêu cầu của bị đơn không có căn cứ để xem xét. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi: Căn cứ hợp đồng vay tài sản 310/2019/HĐCV-9372 ngày 13/12/2019, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ, số tiền lãi tính đến ngày 16/4/2021 là 89.799.754 đồng là phù hợp với mức lãi suất tại Điều 2 của hợp đồng vay tài sản, nên được chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp số 310/2019/HĐTC-9372 ngày 13/12/2019, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục theo quy định pháp luật nên có hiệu lực với các bên, đến hạn trả tiền nếu Anh L, Chị L không trả nợ thì việc xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ để chấp nhận. Tài sản bảo đảm gồm:

- Quyền sử dụng đất ở tại đô thị, diện tích 130m^2, tại khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02811, do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/4/2015, cho bà Nguyễn Thị Nhật L.

- Tài sản gắn liền với đất: Căn nhà kiên cố, diện tích 56,5m^2, loại nhà ở riêng lẻ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02811, do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/4/2015, cho bà Nguyễn Thị Nhật L.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

- Anh Nguyễn Phi L và Chị Nguyễn Thị Nhật L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.659.190 đồng.

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự.

- Các điều 90, 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/ 01/2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc Anh Nguyễn Phi L và Chị Nguyễn Thị Nhật L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền gồm: Nợ gốc là 676.680.000 (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng và nợ lãi tính đến ngày 16/4/2021 là 89.799.754 (Tám mươi chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi bốn) đồng. Tổng cộng là 766.479.754 (Bảy trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi bốn) đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ 17/4/2021 Anh Nguyễn Phi L và Chị Nguyễn Thị Nhật L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng vay tài sản, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp thục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đến hạn trả tiền nếu Anh Nguyễn Phi L và Chị Nguyễn Thị Nhật L không trả hết các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để đảm bảo thi hành án. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất ở tại đô thị, diện tích 130m^2, tại khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02811, do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/4/2015, cho bà Nguyễn Thị Nhật L.

- Tài sản gắn liền với đất: Căn nhà kiên cố, diện tích 56,5m^2, loại nhà ở riêng lẻ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02811, do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/4/2015, cho bà Nguyễn Thị Nhật L

Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.448.000 (Mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn) đồng, theo biên lai số 0019140 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

- Anh Nguyễn Phi L và Chị Nguyễn Thị Nhật L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 34.659.190 (Ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn một trăm chín mươi) đồng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Công Triều